

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ EZ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ EZ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EZ TECHNOLOGY SOLUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: EZ TECHNOLOGY SOLUTION., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110066003

**3. Ngày thành lập:** 22/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 34, Phố Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933922291

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Loại trừ hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm                                                                                                                                                | 4610        |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                             | 4651        |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                              | 4652        |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                       | 8230        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh                                                                                                       | 8299        |
| 6.  | Giáo dục thể thao và giải trí<br>Trừ kinh doanh vũ trường, sàn nhảy                                                                                                                                                                             | 8551        |
| 7.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                     | 8552        |
| 8.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đầu                                                                                                                                                                                                            | 8559        |
| 9.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                           | 6201(Chính) |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                             | 6202        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đầu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. | 6209        |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                              | 6311        |
| 13. | Cổng thông tin<br>Không bao gồm hoạt động báo chí                                                                                                                                                                                               | 6312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6619 |
| 15. | Quảng cáo<br>Loại trừ các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo theo Điều 7 Luật Quảng cáo 2012                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310 |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7320 |
| 17. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Trừ hoạt động báo chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7420 |
| 18. | Bán buôn tổng hợp<br>Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690 |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4721 |
| 20. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4723 |
| 21. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lã trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4724 |
| 22. | In ấn<br>Trừ in, tráng bao bì kim loại; in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1811 |
| 23. | Dịch vụ liên quan đến in<br>Trừ rập khuôn tem                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1812 |
| 24. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1820 |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5510 |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5610 |
| 27. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5621 |
| 28. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng trong khoảng thời gian cụ thể<br>Cung cấp ăn uống theo hợp đồng( trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)<br>Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự<br>Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ( căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. | 5629 |
| 29. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Không bao gồm kinh doanh quán bar                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5630 |
| 30. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7820 |
| 31. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7830 |
| 32. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7911 |

|     |                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch nội địa.<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài. | 7912 |
| 34. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                          | 7990 |
| 35. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                        | 8211 |
| 36. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4741 |
| 37. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                    | 4742 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 10.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                           | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | KHÔNG THỊ XUÂN HẢI | Số 9, ngách 23, ngõ 409, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 5.100      | 51.000.000            | 51,000    | 001173000085                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                  | Tổng số                   | 5.100      | 51.000.000            | 51,000    |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                               |                           |       |            |        |           |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|--------|-----------|
| 2 | NGUYỄN TẤT ĐOÀN  | Thôn Đông Trù, Xã Đông Hội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                        | Cổ phần phổ thông         | 3.000 | 30.000.000 | 30,000 | C8144555  |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                                               | Tổng số                   | 3.000 | 30.000.000 | 30,000 |           |
|   |                  |                                                                                                               |                           |       |            |        |           |
| 3 | NGUYỄN XUÂN HÙNG | Số 1507, CT3 chung cư Ecogreen, số 286 Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.900 | 19.000.000 | 19,000 | 113538754 |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |           |
|   |                  |                                                                                                               | Tổng số                   | 1.900 | 19.000.000 | 19,000 |           |
|   |                  |                                                                                                               |                           |       |            |        |           |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **KHÔNG THỊ XUÂN HẢI**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *24/10/1973*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001173000085*

Ngày cấp: *18/12/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 9, ngách 23, ngõ 409, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 9, ngách 23, ngõ 409, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**